

Tên:

Lớp: S3...

Ngày giao bài: Thứ..., ngày.../....

Ngày nộp bài: Thứ..., ngày.../....

Week: 3

Từ vựng HW:

Đọc HW:



UNIT 1: WORKING TOGETHER - VOCABULARY

A. THEORY

Con truy cập link/quét mã QR để nghe và đọc lại từ vựng nhé:

https://soundcloud.com/ms-chi-english/for_s3_w3_vocab-1



I. VOCABULARY A – SPORTS

No.	Words	Meanings	Pictures	No.	Words	Meanings	Pictures
1	match (n)	trận đấu		7	grumpy (adj)	cau có	
2	draw (n)	hòa		8	fair (adj)	công bằng	
3	rule (n)	luật lệ		9	winning (adj)	chiến thắng / đang thắng	
4	score (v)	ghi điểm		10	winner (n)	người chiến thắng	
5	score a goal (phr)	ghi bàn		11	losing (adj)	thua / đang thua	
6	switch (v)	đổi / chuyển		12	loser (n)	người thua cuộc	

II. VOCABULARY B – ANIMAL

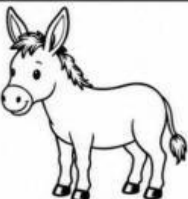
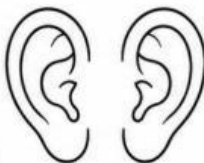
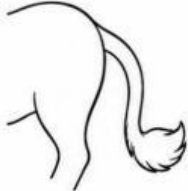
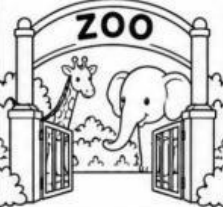
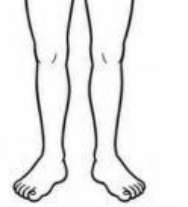
No.	Words	Meanings	Pictures	No.	Words	Meanings	Pictures
1	mammal (n)	động vật có vú		6	bat (n)	con dơi	
2	bird (n)	chim		7	goose (n)	con ngỗng	
3	fox (n)	con cáo		8	owl (n)	con cú	
4	kangaroo (n)	con chuột túi		9	parrot (n)	con vẹt	
5	bear (n)	con gấu					

Note: n = noun: danh từ; v = verb: động từ; adj = adjective: tính từ; phr = phrase: cụm từ.

III. EXTRA VOCABULARY

Con truy cập link/quét mã QR để nghe và đọc lại Từ vựng nhé:
https://soundcloud.com/ms-chi-english/for_s3_w3_extra-vocab-1



No.	Words	Meanings	Pictures	No.	Words	Meanings	Pictures
1	donkey (n)	con lừa		4	ears (n)	đôi tai	
2	animal (n)	động vật		5	tail (n)	đuôi	
3	zoo (n)	sở thú		6	legs (n)	đôi chân	

Note: n = noun: danh từ.

B. HOMEWORK

VOCABULARY (18 questions)

I. Con học nghĩa, phát âm các từ ở mục I. VOCABULARY A và II. VOCABULARY B (trang 1). Với những từ dưới đây, con hãy chép vào vở, mỗi từ một dòng: match, draw, score, switch, winning, winner, losing, loser, kangaroo, goose.

II. Match the pictures with the words. (Nối tranh với từ vựng.)

0. 

1. 

2. 

3.  

4.  

5. 

A. fair

B. losing

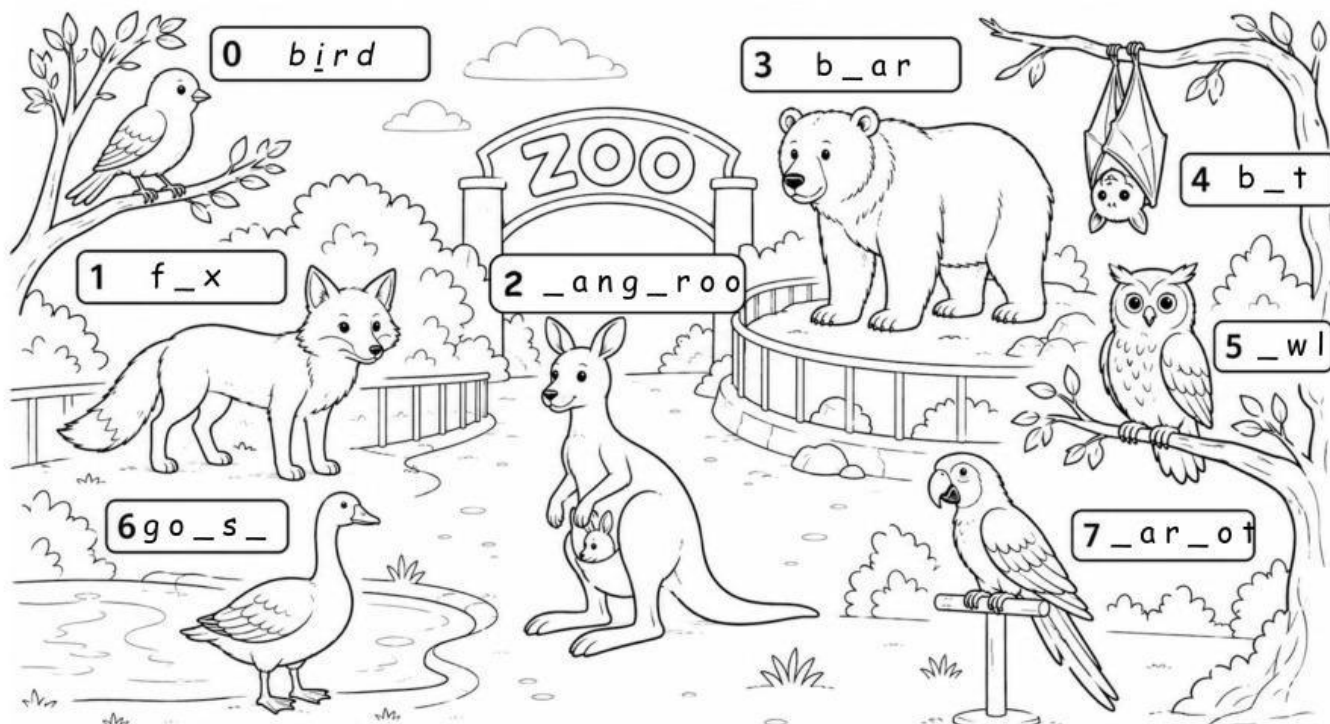
C. switch

D. winning

E. score a goal

F. score

III. Look at the picture and complete the words. (Nhìn tranh và hoàn thành từ.)



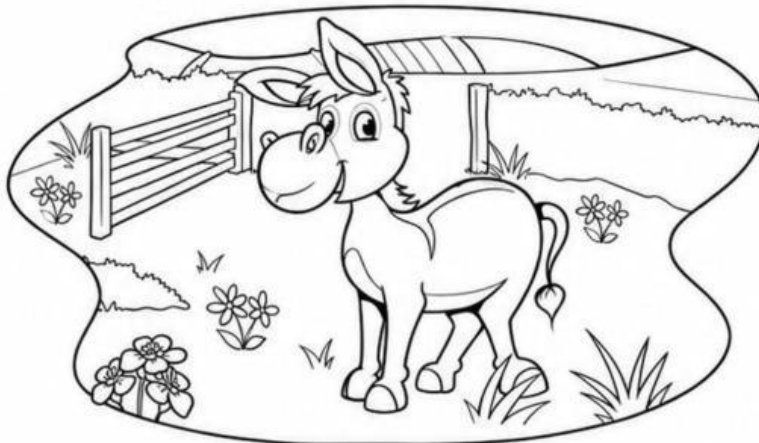
IV. Look at the picture and complete the words. (Nhìn tranh và hoàn thành từ.)

0.	A game between two players or teams. This is a <u>m a t c h</u> .	
1.	A _____ is a result when both teams have the same score.	
2.	A _____ is something you must follow in a game.	
3.	He is angry and unhappy. He is _____.	
4.	He wins the match. He is the _____.	
5.	A _____ is the animal that feeds its babies milk.	
6.	He is a _____ because he did not win the match.	

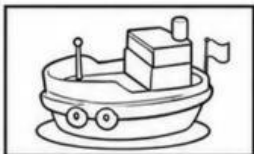
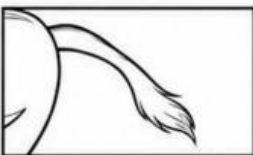
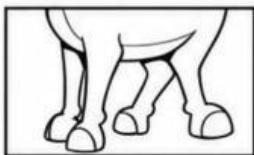
STARTERS READING PART 4 (5 questions)

Read this. Choose a word from the box. Write the correct word next to numbers 1–5. There is one example.

A donkey



A donkey is an animal. Some donkeys live in thezoo..... . Lots of donkeys are grey but some are brown. A donkey has two very long (1) on its head. At the end of its body a donkey has a small (2) A donkey can walk and run on its four (3) Donkeys drink (4) They love eating (5) and they like apples, too.

Example			
			
zoo	water	ears	boat
			
tail	carrots	books	legs